

Bản án số: 323/2023/HC-PT

Ngày: 12-9-2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành  
chính trong lĩnh vực quản lý đất  
đai*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** ông **Nguyễn Văn Tiên**

**Các Thẩm phán:** ông **Vũ Thanh Liêm**

bà **Võ Thị Ngọc Dung**

**Thư ký phiên tòa:** bà **Bùi Thị Hồng Phượng** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Quách Hòa Bình** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 134/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 6 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2023/HC-ST ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3116/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Ông Mai Văn T, địa chỉ: A T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:** Bà Trần Thị S, sinh năm 1960, địa chỉ: Số C N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số I L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Võ Văn C – Phó chủ tịch UBND tỉnh Đ, địa chỉ: Số I L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh Đ:** Ông Trần Văn S1 - Phó giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ, và ông Văn Quốc T1 –

Chuyên viên phòng quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ, cùng địa chỉ: Số D P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Quang H, địa chỉ: Số I hẻm H, đường C, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Mai Văn T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Trần Thị S trình bày có nội dung như sau:*

Theo hợp đồng kinh tế số: 02/Đ1/2012/HĐKT giữa Công ty TNHH MTV C1 với Ông Phạm Quang H có địa chỉ tại: Tổ dân phố D phường T, thành phố B tỉnh Đắk Lắk về giao khoán liên kết trồng cà phê thửa số 60a, tờ bản đồ 6, diện tích đất 4.750 m<sup>2</sup> thời gian khoán đóng sản lượng từ năm 2014 đến năm 2035, vị trí đất tọa lạc tại Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Từ hợp đồng kinh tế giao khoán trên. Ngày 04/8/2016 ông Phạm Quang H1 (Chủ sở hữu hợp đồng trên) đã sang nhượng lại Hợp đồng này cho nhau theo giá thỏa thuận thì trường và ông Phạm Quang H phải có nghĩa vụ giải quyết tồn đọng giữa Phạm Quang H với Công ty TNHH MTV C1. Đồng thời được Công ty TNHH C1 xác lập chuyển nhượng. Tuy nhiên do hiệu quả kinh tế thấp, nên hộ gia đình Ông Mai Văn T có chuyển đổi cây trồng khác có hiệu quả hơn (Từ Cà phê sang trồng T2) hộ gia đình ông Mai Văn T sử dụng đất ổn định từ năm 2016 cho đến nay.

Ngày 07/03/2017, U ban hành Quyết định số 521/QĐ-UBND, về việc Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Trung tâm Đ tại, phường T, Thành phố B. Tuy nhiên UBND tỉnh Đ cho rằng người sử dụng đất là Ông Phạm Quang H và đã lập Phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình Ông Phạm Quang H (người sang nhượng vườn cây cho gia đình ông T từ năm 2016) đã làm ảnh hưởng đến các quyền lợi, chính sách hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Mai Văn T. Gia đình ông T không đồng ý đối với Quyết định số: 521/QĐ-UBND ngày 07/03/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, về việc phê duyệt Phương án hỗ trợ bồi thường, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Quyết định đã xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông như sau:

*- Chưa được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, ổn định đời sống và sản xuất cho hộ gia đình ông Mai Văn T:*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 83, điểm b khoản 2, Điều 84 Luật đất đai 2013; Khoản 1, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điểm 1, Khoản 6, Điều 4, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Điều 4, Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND tỉnh Đ về sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất, quy định áp dụng đối với bảng giá các loại đất; quy định hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào các

quy định nêu trên thì hộ gia đình ông Mai Văn T thuộc đối tượng được xem xét, giải quyết hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm;

- Chưa được hỗ trợ tiền đầu tư vào đất còn lại theo quy định:

Theo hợp đồng kinh số 02/Đ1/2020/HĐKT ký hợp đồng giao khoán giữa Công ty TNHH C1 từ năm 2012 đến năm 2035, thì gia đình ông Mai Văn T đủ điều kiện được hỗ trợ tiền đầu tư vào đất đến năm 2035, nhưng chưa được giải quyết.

- Chưa được chi trả về hỗ trợ khác cho hộ gia đình ông Mai Văn T theo đúng quy định.

Hộ ông Mai Văn T không được bồi thường về đất nên theo Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định việc hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi; khoản 3 Điều 23 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ; Điều 2 Quyết định số 2924/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Đ; Theo khoản 3 Điều 23 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND thì Công trình: Hạ tầng Kỹ thuật khu dân cư đường H, phê duyệt năm 2018, áp dụng giá đất tính hỗ trợ là: 1.039.500 đ/m<sup>2</sup>, nhưng Công trình: Trung Tâm Đào tạo nghề Du lịch và khách sạn Đam san, phê duyệt năm 2017 thì áp dụng giá đất tính hỗ trợ là: 70.000 đ/m<sup>2</sup> (không tính hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường).

Thực tế, tại khu vực đất mà UBND thành phố B thu hồi để thực hiện Công trình Học viện H2 khu vực T, Công trình: Trường Mầm non T4, UBND tỉnh Đ đã ban hành Quyết định Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đều đã được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tuyên hủy, Buộc UBND tỉnh Đ ban hành lại Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ cho các hộ bị thu hồi đất theo đúng quy định hiện hành.

- Chưa được chi trả thêm khoản tiền chậm trả đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ, khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 93 luật đất đai 2013:

Việc ra Quyết định, thông báo và thanh toán tiền bồi thường chậm trả là do lỗi của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của hộ gia đình ông T. Theo quy định tại khoản 1,2 Điều 93 Luật đất đai năm 2013. Trường hợp của hộ gia đình ông Mai Văn T đủ điều kiện được nhận số tiền chậm trả theo khoản 1,2 Điều 93 luật đất đai 2013 cho số tiền chậm trả về Hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và tiền tiền Hỗ trợ khác và số tiền về cây trồng trên đất là: 85.743.500 đồng tính từ ngày 07/04/2017 cho đến khi nhận được số tiền hỗ trợ, bồi thường.

Với nội dung trên ông Mai Văn T yêu cầu Tòa xem xét và giải quyết:

- Hủy một phần Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ kinh phí thực hiện hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của công ty TNHH MTV C1 để thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1 tại phường T, thành phố B, đối với phần kinh phí hỗ trợ mang tên Ông Phạm Quang H.

- Hủy một phần Quyết định số: 343/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của công ty TNHH C1 để thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1 tại phường T, thành phố B, đối với phần kinh phí hỗ trợ mang tên Ông Phạm Quang H.

- Buộc ủy ban nhân dân tỉnh Đ phải ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ gia đình tôi Mai Văn T theo đúng quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là UBND tỉnh Đ trình bày có nội dung như sau:*

- Ngày 13/01/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B có Tờ trình số 20/TTr-TTPTQĐ về việc thẩm định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của Công ty TNHH MTV C1 để thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1 tại phường T, thành phố B, kèm theo Phương án số 21/PA-TTPTQĐ ngày 13/01/2016 và hồ sơ theo quy định để lập phương án bồi thường, hỗ trợ. Theo đó, thửa đất số 72, tờ bản đồ số 06, phường T, thành phố B đứng tên ông Phạm Quang H; Tờ khai ngày 08/01/2015, Biên bản kiểm kê ngày 08/01/2015 bổ sung ngày 06/01/2016 đứng tên ông Phạm Quang H và được ông H ký vào Biên bản, Hợp đồng Kinh tế số 02/Đ1/2012/HĐ của Công ty TNHH MTV C1 do ông Phạm Quang H đứng tên. Quá trình lập phương án không liên quan đến hộ ông Mai Văn T.

- Ngày 28/01/2016, Sở T cùng Sở T5, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND thành phố B và Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B họp thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ dự án Trung tâm Đ và khách sạn Đ1 tại phường T, thành phố B. Ngày 16/02/2017, liên ngành: Sở T – Sở T5 có Tờ trình số 73/TTr-LN về việc đề nghị phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính hỗ trợ về đất; phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của Công ty TNHH MTV C1 để thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1 tại phường T, thành phố B. Ngày 07/3/2017, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 521/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của Công ty TNHH MTV C1 để thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1 tại phường T, thành phố B.

- Ngày 25/12/2018, Sở T có Báo cáo số 583/BC-STNMT về việc đề nghị điều chỉnh thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1 tại phường T, thành phố B. Ngày 18/02/2019, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 343/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của Công ty TNHH MTV C1 để thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1 tại phường T, thành phố B.

- Qua kiểm tra, rà soát quá trình thực hiện:

Tờ khai ngày 08/01/2015; Biên bản kiểm kê tài sản do Trung tâm Phát triển quỹ đất lập vào ngày 08/01/2015 và bổ sung vào ngày 06/01/2016 do ông Phạm

Quang H đứng tên, ông H cùng Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố, Chủ đầu tư, UBND phường T, Công ty TNHH MTV C1 ký vào biên bản. Sau khi thực hiện đầy đủ các bước, ngày 13/01/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B trình (Tờ trình số 20/TTr-TTPTQĐ) thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Người được Công ty TNHH MTV C1 ký Hợp đồng liên kết sản xuất Cà phê là hộ ông Phạm Quang H theo Hợp đồng số 02/Đ1/2012/HĐ, tại điểm i Khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng quy định “không được giao lại đất khoán hoặc đơn phương chuyển nhượng Hợp đồng cho bên thứ 3 dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được bên A chấp thuận.”.

Biên bản bàn giao vườn Cà phê liên kết giữa ông Phạm Quang H và ông Mai Văn T được lập vào ngày 04/8/2016 thực hiện sau thời điểm kiểm kê tài sản. Biên bản này, được ông Trương Văn T3 - Giám đốc Công ty TNHH MTV C1 xác nhận với nội dung: “Công ty xác nhận việc chuyển giao vườn Cà phê giữa ông Phạm Quang H và ông Mai Văn T; ông H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng khoán; ông T quản lý vườn cây và không được xây dựng nhà trên đất, chờ bàn giao về địa phương”, đây không phải là nội dung được Công ty chấp thuận cho ông H được giao lại đất khoán hoặc chuyển nhượng Hợp đồng.

Sau đó, ông Phạm Quang H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng với Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV C1, cụ thể: Theo Biên bản đối chiếu công nợ số 55Đ1/BBĐC CN-HĐGT ngày 17/4/2017; Biên bản đối chiếu và kê khai diện tích đất Hợp đồng giao khoán, liên kết số 55/BBĐC ĐĐ-HĐGT ngày 17/4/2017.

- Căn cứ nội dung nêu trên, việc Trung tâm Phát triển quỹ đất lập phương án bồi thường, hỗ trợ; các Sở, ngành, địa phương thẩm định; UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ với tên hộ ông Phạm Quang H đảm bảo đúng quy định pháp luật. Biên bản bàn giao vườn Cà phê liên kết giữa ông Phạm Quang H và ông Mai Văn T được lập vào ngày 04/8/2016 sau thời điểm kiểm kê tài sản là không đúng theo quy định pháp luật. Do đó, việc Ông Mai Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy một phần Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí thực hiện để thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1, phường T, thành phố B đối với phần kinh phí hỗ trợ mang tên ông Phạm Quang H và hủy một phần Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1 tại phường T, thành phố B đối với phần kinh phí hỗ trợ mang tên ông Phạm Quang H và buộc UBND tỉnh phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Mai Văn T là không có cơ sở. Do đó đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Mai Văn T.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ ông Phạm Quang H trình bày:* Ngày 04/8/2016 ông đã bán vườn cây cho ông Mai Văn T nên ông không còn quyền lợi gì đến vườn cây nữa, đối với yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Nội dung vụ án như trên, Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2023/HC-ST ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

Căn cứ: Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 65; Điều 74 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí thực hiện để thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1, phường T, thành phố B đối với phần kinh phí hỗ trợ mang tên ông Phạm Quang H và hủy một phần Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1 tại phường T, thành phố B đối với phần kinh phí hỗ trợ mang tên ông Phạm Quang H và buộc UBND tỉnh Đ phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Mai Văn T theo quy định.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

**Sau khi xét xử sơ thẩm:** ngày 22/5/2023, người khởi kiện – ông Mai Văn T (Người khởi kiện) kháng cáo yêu cầu sửa Bản án hành chính sơ thẩm, buộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho Ông theo đúng quy định của pháp luật;

Ngày 25/5/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 360/QĐ-VKS-HC kháng nghị Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2023/HC-ST ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T.

**Tại phiên tòa:** Người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị sửa Quyết định của Bản án sơ thẩm, chấp nhận các nội dung kháng cáo của Người khởi kiện, chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát; Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị giữ nguyên nội dung của Bản án sơ thẩm; Kiểm sát viên rút Quyết định kháng nghị và đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

**Sau khi nghe:** Nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, Viện kiểm sát rút Quyết định kháng nghị. Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát theo quy định tại khoản 3 Điều 218 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Xét kháng cáo của Người khởi kiện đề nghị sửa Bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của Người khởi kiện hủy một phần Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 (Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 07/3/2017) của Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí thực hiện để thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1, phường T, thành phố B đối với phần kinh phí hỗ trợ mang tên ông Phạm Quang H và hủy một phần Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 (Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 18/02/2019) của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1 tại phường T, thành phố B đối với phần kinh phí hỗ trợ mang tên ông Phạm Quang H và buộc UBND tỉnh Đ phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Mai Văn T thì thấy:

[2.1]. Năm 2012, Công ty TNHH MTV C1 và ông Phạm Quang H ký hợp đồng kinh tế số: 02/Đ1/2012/HĐKT về việc giao khoán liên kết trồng cà phê thửa số 60a, tờ bản đồ 6, diện tích đất 4.750m<sup>2</sup> thời gian khoán đóng sản lượng từ năm 2014 đến năm 2035, vị trí đất giao, nhận khoán tại Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, người được Công ty TNHH MTV C1 ký Hợp đồng liên kết sản xuất Cà phê là hộ ông Phạm Quang H. Tại điểm i Khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng số 02/Đ1/2012/HĐ quy định “*không được giao lại đất khoán hoặc đơn phương chuyển nhượng Hợp đồng cho bên thứ 3 dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa được bên A chấp thuận*”.

Công ty TNHH MTV C1 bị giải thể nên UBND tỉnh Đ có kế hoạch thu hồi đất của Công ty do giải thể. Tại Tờ khai ngày 08/01/2015; Biên bản kiểm kê tài sản do Trung tâm Phát triển quỹ đất lập vào ngày 08/01/2015 và bổ sung vào ngày 06/01/2016 do ông Phạm Quang H đứng tên, ông H cùng Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố, Chủ đầu tư, UBND phường T, Công ty TNHH MTV C1 ký vào Biên bản. Sau khi thực hiện đầy đủ các bước, ngày 13/01/2016, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B trình (Tờ trình số 20/TTr-TTPTQĐ) thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

Sau đó, ông Phạm Quang H tiếp tục thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng với Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV C1, cụ thể: Theo Biên bản đối chiếu công nợ số 55Đ1/BBĐC CN-HĐGT ngày 17/4/2017; Biên bản đối chiếu và kê khai diện tích đất Hợp đồng giao khoán, liên kết số 55/BBĐC ĐĐ-HĐGT ngày 17/4/2017.

[2.2]. Tại Biên bản bàn giao vườn Cà phê liên kết giữa ông Phạm Quang H và ông Mai Văn T được lập vào ngày 04/8/2016 được ông Trương Văn T3 - Giám đốc Công ty TNHH MTV C1 xác nhận với nội dung: “*Công ty xác nhận việc chuyển giao vườn Cà phê giữa ông Phạm Quang H và ông Mai Văn T; ông H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ hợp đồng khoán; ông T quản lý vườn cây và không được xây dựng nhà trên đất, chờ bàn giao về địa phương*”, đây không phải là nội dung được Công ty chấp thuận cho ông H được giao lại đất khoán hoặc chuyển nhượng Hợp đồng, ông T cũng biết được phần diện tích đất trên đang chờ bàn giao về cho địa phương nhưng vẫn nhận chuyển nhượng. Đồng thời ông T thừa nhận, sau khi nhận chuyển nhượng ông T tự chuyển đổi cây trồng khác từ Cà phê sang trồng Tiêu là vi phạm nội dung của công ty xác nhận như đã viện dẫn trên. Do đó,

UBND tỉnh Đ căn cứ Tờ trình số 20/TTr-TTPTQĐ ngày 13/01/2016 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B để ban hành quyết định số 521 ngày 07/3/2017 đối với hộ ông Phạm Quang H là đúng quy định. Ngày 18/02/2019 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 343/QĐ-UBND điều chỉnh thẩm quyền ban hành theo Quyết định số 521, không thay đổi về nội dung của Quyết định số 521.

[3]. Căn cứ nội dung nêu trên, việc Trung tâm Phát triển quỹ đất lập phương án bồi thường, hỗ trợ; các Sở, ngành, địa phương thẩm định; UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ với tên hộ ông Phạm Quang H đảm bảo đúng quy định pháp luật. Biên bản bàn giao vườn Cà phê liên kết giữa ông Phạm Quang H và ông Mai Văn T được lập vào ngày 04/8/2016 sau thời điểm kiểm kê tài sản là không đúng theo quy định pháp luật. Do đó, việc Ông Mai Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy một phần Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí thực hiện để thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1, phường T, thành phố B đối với phần kinh phí hỗ trợ mang tên ông Phạm Quang H và hủy một phần Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1 tại phường T, thành phố B đối với phần kinh phí hỗ trợ mang tên ông Phạm Quang H và buộc UBND tỉnh phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Mai Văn T là không có cơ sở. Bản án sơ thẩm bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Mai Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm Người khởi kiện kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác đơn kháng cáo của Người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2023/HC-ST ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Biên bản bàn giao vườn Cà phê liên kết giữa ông Phạm Quang H và ông Mai Văn T lập vào ngày 04/8/2016, nếu ông T thấy quyền lợi bị xâm phạm mà không tự giải quyết được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4]. Do bị bác đơn kháng cáo nên ông Mai Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm nhưng ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

*Từ những nhận định trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ: khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 360/QĐ-VKS-HC ngày 25/5/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Bác kháng cáo của ông Mai Văn T. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2023/HC-ST ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng các Điều 65, Điều 74 Luật đất đai năm 2013



1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Mai Văn T về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 521/QĐ-UBND ngày 07/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí thực hiện để thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1, phường T, thành phố B đối với phần kinh phí hỗ trợ mang tên ông Phạm Quang H và hủy một phần Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 18/02/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ thực hiện công trình Trung tâm Đ và khách sạn Đ1 tại phường T, thành phố B đối với phần kinh phí hỗ trợ mang tên ông Phạm Quang H và buộc UBND tỉnh Đ phải ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Mai Văn T theo quy định.

2. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm cho ông Mai Văn T.

3. Án phí sơ thẩm được thực hiện theo quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2023/HC-ST ngày 11/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao – Vụ GDKT III;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tiến**